



Bản tin TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

BẢN TIN CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH



- ❁ Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026
- ❁ Khởi sắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh
- ❁ Kết quả nổi bật của Ngành Tư pháp quý I/2026



Chịu trách nhiệm xuất bản
ThS. TRÀ THANH DANH
(TUV, Giám đốc Sở Tư pháp)

Biên tập
VƯƠNG VĂN TUYÊN
PHẠM THỊ THANH NGỌC

Thư ký biên tập và trình bày
**PHÒNG PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

★ Ban biên tập: 108 Phan Đình Phùng,
phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
★ Điện thoại: 0255.3822774
★ Email: giaoducpl-stp@quangngai.gov.vn
★ Website: <https://stp.quangngai.gov.vn>
★ Giấy phép xuất bản số: 603/GP-XBBT
ngày 25/12/2025 do Sở Văn hóa, Thể
Thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi cấp.



Bản tin TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

BẢN TIN CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH

TRONG SỐ NÀY

Trang

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.....**Lệ Quỳnh** 1
- Khởi sắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh.....**Kim Hoan** 3
- Kết quả nổi bật của Ngành Tư pháp quý I/2026.....**Trang Nguyễn** 6
- Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.....**Phạm Văn Chung** 11
- Chính sách về thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Việt Nam.....**Nguyễn Hải Đăng** 14
- Luật Trí tuệ nhân tạo - Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam.....**Thanh Ngọc** 20
- Tăng cường các biện pháp bảo mật thông tin cá nhân.....**Phạm Văn Chung** 24
- Sở Tư pháp Quảng Ngãi đẩy mạnh tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống tra tấn, về quyền con người tại các xã miền núi.....**Hoàng Hoài** 25
- Quy định xử lý vi phạm về ma túy đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi hoặc người thành niên nhưng là học sinh, sinh viên.....**Nguyễn Trần Đạt** 28
- Một số kết quả sau 02 năm triển khai Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030”.....**Như Quỳnh** 32
- Công tác quy hoạch - Những hạn chế, bất cập cần khắc phục...**Vinh Linh** 35
- Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh triển khai Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế” trên địa bàn tỉnh.....**Kim Hoan** 37
- Phổ biến nội dung trong “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030”.....**Nhạn Bùi** 39
- “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” - Chỉ tiêu quan trọng trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.....**Lệ Quỳnh** 41
- Hà Huy Tập - Người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo cách mạng tài năng.....**Ban Biên tập** 43

TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2026

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND để chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Theo Kế hoạch, nhiều nhóm nhiệm vụ trọng tâm được xác định nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tình hình mới. Trong đó, công tác PBGDPL tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng cần tập trung triển khai với nhiều nội dung cụ thể.

Thứ nhất, tập trung hoàn thiện thể chế và bảo đảm nguồn lực cho công tác PBGDPL. Dự kiến trong năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 02 nghị quyết liên quan đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật gồm (*Nghị quyết quy định về mức chi bảo đảm cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị quyết quy định các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL và trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh*). UBND tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (sửa đổi), Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan. Sở Tư pháp tiếp tục tham mưu, hướng dẫn các ngành, địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ PBGDPL.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Nội dung tập trung vào các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và pháp luật có liên quan. Hoạt động tuyên truyền được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng, qua đó góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cử tri, Nhân dân trong tham gia xây dựng bộ máy nhà nước.

Thứ ba, tiếp tục kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Phối hợp PBGDPL và đội ngũ làm công tác PBGDPL. Theo đó, tập trung kiện toàn Hội đồng Phối hợp PBGDPL các cấp; rà soát, củng cố đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL và kiến thức pháp luật cho đội ngũ làm công tác PBGDPL.

Thứ tư, triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về PBGDPL. Trong năm 2026, chú trọng tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về PBGDPL được ban hành, gắn liền với các chương

trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong đó, tập trung thực hiện các đề án như: Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn”; Đề án “Tăng cường truyền thông dự thảo chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”; Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”; Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL”...

Thứ năm, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động PBGDPL. Theo đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin thông qua việc tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng gắn với kỹ năng ứng dụng công nghệ số; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; tăng cường tuyên truyền pháp luật trên các nền tảng mạng xã hội, báo chí, phát thanh - truyền hình và hệ thống cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước; đồng thời, tiếp tục phát triển tủ sách pháp luật điện tử, xây dựng các tài liệu pháp luật dạng số, tờ gấp, bản tin pháp luật; từng bước nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các nền tảng số trong công tác truyền thông, phổ biến pháp luật.

Thứ sáu, tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống xã hội. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các lĩnh vực thiết thực đối với người dân và doanh nghiệp như: khiếu nại, tố cáo; tín ngưỡng, tôn giáo; bảo vệ môi trường; tiếp cận thông tin; an toàn thực phẩm; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; an toàn giao thông; an ninh mạng; cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trách nhiệm

bồi thường của Nhà nước; phòng, chống tội phạm, ma túy và tệ nạn xã hội... đồng thời, chú trọng phổ biến pháp luật cho các đối tượng đặc thù, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biển, đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả để tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật như: mô hình Câu lạc bộ pháp luật dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên, học sinh, phụ nữ và các thành phần khác; mô hình Phiên tòa giả định; xét xử lưu động; truyền thông trợ giúp pháp lý; tủ sách pháp luật; sinh hoạt Ngày pháp luật hằng tháng tại các cơ quan, đơn vị; thi tìm hiểu pháp luật với hình thức thi trực tuyến, sân khấu, thi viết...

Thứ bảy, tổ chức hưởng ứng hiệu quả Ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2026 thông qua ban hành Kế hoạch hưởng ứng và tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, gắn với nhiệm vụ chính trị và hoạt động chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thứ tám, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Qua hoạt động kiểm tra, đánh giá được tổ chức nhằm kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; qua đó nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

Việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm về công tác PBGDPL trong năm 2026 không chỉ góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và Nhân dân mà còn từng bước đưa pháp luật đi vào đời sống xã hội một cách thiết thực, hiệu quả. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật của người dân và thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian tới. □

Lê Quỳnh

Khởi sắc

trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh

Ngay từ đầu năm, Cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh (Sở Tư pháp) đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL năm 2026 (Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 15/01/2026) và Hội đồng đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng năm 2026 (Kế hoạch số 25/KH-HĐPBGDPL ngày 24/02/2026), trong đó phân công nhiệm vụ cho các cơ quan thành viên Hội đồng (hiện có 32 thành viên tại các cơ quan ở cấp tỉnh).

Tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan Hội đồng chủ trì phối hợp, Hội đồng đã tăng cường sự gắn kết giữa các cơ quan, địa phương trong triển khai công tác PBGDPL, qua đó, tạo sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, bảo đảm công tác tuyên truyền pháp luật được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo, hình thức. Trên cơ sở đó, các cơ quan thành viên Hội



Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quyền con người tại xã Đắk Rve

đồng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành một số Kế hoạch triển khai thi hành các Luật có liên quan; đồng thời, các cơ quan, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, ban hành văn bản triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn, gắn công tác phổ biến pháp luật với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, địa phương, đơn vị và luôn chú trọng tuyên truyền tập trung vào các văn bản pháp luật mới ban hành, văn bản do các cơ quan, địa phương tham mưu quản lý theo từng ngành, lĩnh vực và những lĩnh vực liên quan trực tiếp,

gắn gũi đời sống người dân như đất đai, môi trường, an toàn thực phẩm, hôn nhân gia đình, trật tự an toàn giao thông, phòng, chống các loại tội phạm, cải cách hành chính, chuyển đổi số và các chính sách an sinh xã hội...

Công tác PBGDPL đã được cơ quan, địa phương chú trọng triển khai với đa dạng nội dung, hình thức phong phú, phù hợp từng đối tượng, địa bàn, khu vực và thực hiện thường xuyên qua các trang mạng xã hội, trang thông tin điện tử, các chuyên trang, chuyên mục pháp luật trên báo, đài truyền hình, loa



Hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bầu cử

truyền thanh cơ sở... nhiều cơ quan, địa phương đã tổ chức và phát động các hoạt động tìm hiểu pháp luật, cuộc thi trực tuyến, tọa đàm, tư vấn pháp luật miễn phí cho người dân; luôn chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL đã mở rộng phạm vi tuyên truyền, giúp người dân có thể tiếp cận thông tin pháp luật nhanh chóng, kịp thời, từ đó góp phần từng bước tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ và người dân trong việc tự tìm hiểu pháp luật và tuân thủ chấp hành pháp luật trên địa bàn toàn tỉnh.

Đối với Cơ quan Thường trực Hội đồng đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đồng bộ công tác PBGDPL và bắt nhịp kế hoạch chuyển đổi số trong

công tác PBGDPL: đã tổ chức biên soạn tài liệu pháp luật, Bản tin Tư pháp, các tập Thông tin chính sách, pháp luật mới ban hành, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, biên soạn đăng tải 13 loại tờ gấp (điện tử) nội dung pháp luật về bầu cử trên Chuyên mục Bầu cử thực hiện đăng tải trên hệ thống văn bản và trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp. Đặc biệt đã tổ chức 03 hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bầu cử, trong đó có 01 hội nghị trực tuyến, kết hợp trực tiếp tổ chức tại trụ sở của Sở Tư pháp với 40 đại biểu tham dự trực tiếp và khoảng 1.000 người tham gia trực tuyến tại các điểm cầu địa phương, 02 hội nghị trực tiếp gồm 01 lớp

ở khu vực phía Đông của Quảng Ngãi, 01 lớp ở khu vực phía Tây của Quảng Ngãi với gần 300 đại biểu tham dự tập trung tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và pháp luật có liên quan về bầu cử; đồng thời, tham mưu Chủ tịch Hội đồng thành lập Ban tổ chức, Tổ thư ký Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế” trên địa bàn tỉnh.

Một trong những điểm nổi bật trong công tác PBGDPL trong quý I/2026 là đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, bên cạnh các hội nghị phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nhiều cơ quan, địa phương còn lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật vào các cuộc họp, buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, họp thôn, tổ dân phố, thông qua tổ chức cuộc thi... qua đó, các quy định pháp luật được truyền tải một cách gần gũi, dễ hiểu, giúp người dân dễ tiếp cận và áp dụng trong thực tiễn. Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật ở các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn đảm bảo chất lượng và phát huy vai trò trong công tác tuyên

truyền, phổ biến pháp luật tại cơ quan, địa phương, cùng với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn, lực lượng này đã góp phần quan trọng trong việc truyền đạt các quy định pháp luật đến cán bộ và Nhân dân và trao đổi, giải đáp những vướng mắc liên quan đến pháp luật trong đời sống hằng ngày của người dân thông qua các đợt tổ chức hội nghị, tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho lực lượng tham gia nhiệm vụ PBGDPL tại các cơ quan, địa phương. Bên cạnh đó, công tác xây dựng các chính sách thể chế pháp luật luôn được chú trọng hiện cơ quan Thường trực, Hội đồng đang xây dựng Nghị quyết nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết về mức chi kinh phí trong công tác này nhằm thay thế các Nghị quyết không còn phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ PBGDPL hiện nay.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PBGDPL ở một số cơ quan, địa phương vẫn còn khó khăn, hạn chế như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền pháp luật chưa đồng đều, nguồn lực (nhân lực, kinh phí) cho công tác



Ban Tổ chức Cuộc thi hợp thông qua Kế hoạch, Thể lệ

này còn hạn chế, chưa bảo đảm với tình hình hiện nay.

Có thể khẳng định rằng, Hội đồng đóng vai trò quan trọng trong công tác PBGDPL của quý I/2026 trên địa bàn toàn tỉnh, góp phần đẩy mạnh công tác PBGDPL, xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật trong toàn xã hội. Từ đó, khi mỗi cán bộ và người dân hiểu biết pháp luật, tự giác chấp hành pháp luật, sẽ góp phần xây dựng xã hội kỷ cương, ổn định, đảm bảo quốc phòng, an ninh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Trong quý II/2026, Hội đồng sẽ tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL, tham mưu ban hành các chính sách, pháp luật trong công tác PBGDPL, tổ chức thực hiện kiểm tra công tác

PBGDPL trên địa bàn tỉnh, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, chú trọng xây dựng đội ngũ làm công tác PBGDPL có năng lực, trách nhiệm, gắn công tác PBGDPL với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; đồng thời, đề nghị các cơ quan, địa phương tích cực, chủ động tăng cường công tác PBGDPL, đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền theo hướng phù hợp, thiết thực, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong phổ biến pháp luật; nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan và địa phương trong công tác tuyên truyền, PBGDPL trên địa bàn toàn tỉnh. □

Kim Hoan

Kết quả nổi bật của Ngành Tư pháp quý I/2026

Quý I/2026, bám sát các mục tiêu tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình công tác trọng tâm của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã chủ động tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 12 Quyết định và 08 Kế hoạch chuyên đề để chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh. Song song đó, Sở đã kịp thời ban hành Chương trình công tác tư pháp và các Kế hoạch triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyên môn. Nhờ sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, các nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác tư pháp trong Quý I đều đảm bảo tiến độ và chất lượng, ghi nhận nhiều kết quả nổi bật trên tất cả các lĩnh vực được giao, cụ thể:

Một là, về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật:

Sở Tư pháp đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 370-KH/TU ngày 29/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; đồng thời, tham mưu triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; đồng thời, đã



Đồng chí Trà Thanh Danh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị triển khai công tác Tư pháp năm 2026

tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh và trình UBND tỉnh quyết định danh mục văn bản của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh được giao quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 và Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định danh mục văn bản được giao quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10.

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được chú trọng triển khai thực hiện thường xuyên. Quý I năm 2026, Sở Tư pháp đã thẩm định đối với **37** lượt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Công tác rà soát văn bản QPPL, nhất là tham mưu rà soát, xử lý các văn bản QPPL do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh



Hội nghị trực tuyến tuyên truyền về cải cách hành chính

Kon Tum (cũ) ban hành được Sở Tư pháp tập trung nguồn lực, tăng cường thực hiện để đảm bảo theo tiến độ được giao. Sở đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 145/QĐ-STP ngày 15/12/2025 thành lập Tổ giúp việc Tổ công tác của tỉnh về xây dựng, ban hành các văn bản QPPL để xử lý văn bản do HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành; Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Kế hoạch xử lý các văn bản QPPL ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND. Tính đến nay, Sở Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các sở ngành tham mưu, trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành các nghị quyết, quyết định thực hiện xử lý 459 văn bản QPPL do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành. Ngoài ra, Sở đã tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần

trong năm 2025 với 416 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 20 văn bản hết hiệu lực một phần. Ban hành Quyết định kiểm tra văn bản QPPL tại HĐND và UBND xã Mộ Đức; kiểm tra theo thẩm quyền 08 văn bản được ban hành dưới hình thức văn bản QPPL của các xã, phường, đặc khu gửi đến sau khi ban hành; đồng thời, thực hiện rà soát, lập danh mục và tự kiểm tra văn bản

QPPL theo chuyên đề với 50 văn bản liên quan đến doanh nghiệp, điều kiện đầu tư kinh doanh và lao động, bảo hiểm xã hội, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động và đã kiến nghị xử lý 37 văn bản.

Hai là, về phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được chú trọng thực hiện, đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để đa dạng các hình thức, nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật. Điểm nổi bật là, Sở đã triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả hoạt động phổ biến pháp luật về bầu cử và các hoạt động tuyên truyền về Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Đã tổ chức **03** hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bầu cử với nội dung tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND các cấp; biên soạn, đăng tải các loại tờ gấp (điện tử) nội dung pháp luật về bầu cử; cử báo cáo viên pháp luật tỉnh hỗ trợ UBND phường Cẩm Thành; hoàn thành việc biên soạn, gửi Bộ câu hỏi Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về bầu cử



Sở Tư pháp họp giao ban quý I - 2026

đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031”; thực hiện trả lời cơ quan báo chí những vấn đề, nội dung liên quan đến bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Ngoài ra, Sở đã phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi trong việc thực hiện các chuyên mục về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026; biên tập, đăng tải thường xuyên tin, bài trên các Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh; Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp; phát hành Bản tin Tư pháp với 800 cuốn cấp phát đến các cơ quan, đơn vị và địa phương.

Trong Quý I/2026, công tác trợ giúp pháp lý tiếp tục được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng thực hiện. Hai Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Sở đã thực hiện 242 vụ việc liên quan đến các lĩnh vực như: hình sự, hành chính, dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình với đối tượng được trợ giúp pháp lý chủ yếu là trẻ em, người nghèo, người có công với cách

mạng, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật khó khăn về tài chính. Qua đó, giúp các đối tượng được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật.

Ba là, về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp: Công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp tiếp tục được duy trì thực hiện tốt, tạo thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và tạo cơ sở cho các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp hoạt động theo quy định của pháp luật. Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 chuyển giao thẩm quyền chứng thực từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng ở những địa bàn có điều kiện theo quy định của Luật Công chứng năm 2024; Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026

của UBND tỉnh Quy định mức trần chi phí in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản liên quan đến việc chứng thực trên địa bàn tỉnh; đồng thời, xây dựng, lấy ý kiến đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Trình UBND tỉnh dự thảo văn bản của UBND tỉnh báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung chỉ đạo đối với việc thực hiện Kết luận số 230-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương và đề nghị của Liên Đoàn Luật sư Việt Nam. Cập nhật hơn 294 thông tin tham khảo, ngăn chặn lên Phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng hợp đồng, giao dịch và thực hiện việc khảo sát phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng. Ngoài ra, để tạo điều kiện cho các xã, phường, đặc khu giải quyết kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; trong thời gian qua, Sở Tư pháp đã tăng cường rà soát, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC. Trên cơ sở quyết định công bố TTHC của Bộ Tư pháp, đã thực hiện rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 11 quyết định công bố danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong các lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi, trợ giúp pháp lý, bồi thường nhà nước, công chứng, chứng thực, quản tài viên, tư vấn pháp luật và đăng ký biện pháp bảo đảm.

Bốn là, về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được lãnh đạo Sở quan tâm, chú trọng chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong Quý I, Sở Tư pháp đã tiếp **18** lượt công dân;

tiếp nhận, xử lý **07** đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về các lĩnh vực công chứng, đất đai, dân sự. Qua tiếp công dân, đã giải đáp những vướng mắc của công dân theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn công dân đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết; đồng thời, lồng ghép hướng dẫn quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo để người dân thực hiện quyền của mình theo đúng quy định, hạn chế các trường hợp khiếu nại kéo dài, vượt cấp.

Năm là, công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, cán bộ: Công tác này tiếp tục được chú trọng thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh. Ngay sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 348/QĐ-UBND, Quyết định số 349/QĐ-UBND cùng ngày 31/12/2025 về việc hợp nhất Phòng Công chứng số 1 và Phòng Công chứng số 2 thành Phòng Công chứng tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tư pháp đã tập trung ban hành các văn bản chỉ đạo, quyết định về công tác cán bộ để triển khai việc sắp xếp, bố trí về tổ chức bộ máy, nhân sự; tạo tư tưởng ổn định, yên tâm công tác đối với viên chức và người lao động tại Phòng Công chứng mới. Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Công chứng; đồng thời, đã xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục vị trí việc làm và đề xuất tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm. Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng và triển khai thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Tư pháp Quý I năm 2026.

Tóm lại, trong Quý I/2026, trên cơ sở bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ công tác trọng tâm



Đồng chí Trà Thanh Danh, TUV, Giám đốc Sở Tư pháp

của tỉnh, Sở Tư pháp đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp và đã đạt được nhiều kết quả thiết thực. Trong thời gian tới, để tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hoàn thành sớm các nhiệm vụ công tác tư pháp trong năm 2026, Sở tiếp tục nâng cao chất lượng thẩm định văn bản QPPL, tham mưu triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành đẩy nhanh tiến độ tham mưu xử lý văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành theo tiến độ tại Kế hoạch kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND, Quyết định số 511/QĐ-UBND. Tham mưu Hội đồng Phối hợp PBGDPL tổ chức tốt Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo*

hiểm y tế” trên địa bàn tỉnh; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2026; đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo các đề án; tuyên truyền pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho đối tượng được TGPL theo quy định của pháp luật và đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, thông tin về TGPL; thực hiện chính sách TGPL cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính, thực hiện chính sách TGPL cho trẻ em trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về TGPL. Tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hành chính và hỗ trợ tư pháp. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức, cán bộ và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo theo đúng quy định.□

Trang Nguyễn

HOÀN THIỆN CẤU TRÚC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Ngày 10/3/2026, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú thay mặt Bộ Chính trị ký ban hành Kết luận số 09-KL/TW về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Kết luận nêu rõ, tại phiên họp ngày 27/02/2026, sau khi nghe Đảng ủy Bộ Tư pháp báo cáo về Đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” (sau đây viết tắt là Đề án) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị thống nhất chủ trương thông qua Đề án.

Bộ Chính trị đánh giá những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hệ thống pháp luật của nước ta không ngừng được hoàn thiện. Tuy nhiên, về phương diện cấu trúc, hệ thống pháp luật hiện hành còn công kênh, nhiều tầng nấc; tính thống nhất nội tại có phần còn hạn chế; trật tự thứ bậc hiệu lực pháp lý có trường hợp chưa thực sự rõ ràng, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Để tạo nền tảng pháp lý vững chắc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế liên tục trên 10% hằng năm, đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng Xã hội chủ nghĩa vào năm 2045, đòi hỏi phải nghiên cứu, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam.

Mục tiêu của việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật là tạo lập được cấu trúc hệ thống pháp luật hiện đại, hợp lý, khoa học, bao quát đầy đủ các lĩnh vực đời sống xã hội, làm tiền đề để xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, tinh gọn, thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp



cận, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, thúc đẩy kiến tạo phát triển và đưa pháp luật thành lợi thế cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn tới.

Bộ Chính trị yêu cầu, việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật cần bảo đảm một số định hướng. Theo đó, cấu trúc hệ thống pháp luật được xác định theo thứ bậc từ các nguồn luật, bao gồm hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) (Hiến pháp; VBQPPL của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; VBQPPL dưới luật của các cơ quan Trung ương;

10 ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ HOÀN THIỆN CẤU TRÚC HỆ THỐNG *Pháp luật Việt Nam*



MỤC TIÊU

Tạo lập được cấu trúc hệ thống pháp luật hiện đại, hợp lý, khoa học, bao quát đầy đủ các lĩnh vực đời sống xã hội.

Làm tiền đề để xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, tinh gọn, thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận; bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Thúc đẩy kiến tạo phát triển và đưa pháp luật thành lợi thế cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn tới.

VBQPPL của chính quyền địa phương) và các nguồn bổ trợ (án lệ, tập quán, lệ công bằng).

Mở rộng phạm vi áp dụng và xác định rõ giá trị pháp lý của các nguồn bổ trợ, theo hướng án lệ, tập quán, lệ công bằng được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội chưa được VBQPPL điều chỉnh hoặc chưa được quy định rõ ràng trong một số trường hợp cụ thể. Bổ sung nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề theo hướng ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật (QPPL) chuyên ngành so với QPPL chung.

Đơn giản hóa hệ thống VBQPPL theo hướng mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL chỉ ban hành một hình thức VBQPPL với lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Các VBQPPL phải quy định rõ mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, hiệu lực áp dụng, quy định chuyển tiếp... nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn xây dựng và thi hành pháp luật. Hạn chế việc ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp

cụ thể để tổ chức thi hành VBQPPL. Không ban hành một VBQPPL để sửa đổi, bổ sung nhiều VBQPPL khác khi các văn bản đó không có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung hoặc không cùng điều chỉnh một nhóm lĩnh vực.

Xác định rõ QPPL công và QPPL tư trong xây dựng pháp luật cũng là một định hướng được nêu tại Kết luận. Trong đó, các QPPL điều chỉnh quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau hoặc giữa cơ quan nhà nước với cá nhân, tổ chức (QPPL công) được thiết kế cụ thể, chặt chẽ, minh bạch, bảo đảm thực hiện tốt chức năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đồng thời kiểm soát hiệu quả, phòng ngừa nguy cơ lạm dụng, lợi dụng quyền lực.

Các QPPL điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể là các cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước (QPPL tư) được thiết kế theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc; các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm

của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật, phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tạo động lực quan trọng để huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng phục vụ phát triển đất nước.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật”, Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất; một số bộ luật, luật có tính nền tảng là trung tâm của hệ thống pháp luật, bao gồm Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính. Trong các văn bản luật có tính nền tảng, ngoài các quy định chi tiết, còn có các nguyên tắc cơ bản có giá trị chi phối, định hướng các văn bản luật còn lại trong hệ thống pháp luật.

Đẩy mạnh việc hoàn thiện quy định pháp luật phục vụ kiến tạo phát triển, phát huy vai trò dẫn dắt, “đi trước mở đường” của pháp luật, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh. Chú trọng ban hành các chính sách đặc thù, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm hình thành các lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất, lĩnh vực kinh tế mới và khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành, nghề, các địa bàn, nhóm đối tượng được xác định ưu tiên phát triển.

Kết luận phân định rõ những nội dung phải được quy định bằng luật và những nội dung được quy định trong từng loại văn bản dưới luật theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, người có thẩm quyền ban hành VBQPPL. Nghiên cứu bổ sung một số nội dung cần được quy định trong văn bản luật liên quan đến hạn chế quyền, đặt ra nghĩa vụ mới, biện pháp chế tài đối với người dân, doanh nghiệp; đồng thời,

Kết luận cũng nêu rõ định hướng tiến hành tổng rà soát hệ thống VBQPPL Việt Nam; tuyệt đối không để cài cắm lợi ích, tác động tiêu cực đến cấu trúc hệ thống pháp luật; đổi mới mạnh mẽ công tác hợp nhất VBQPPL theo hướng văn bản hợp nhất là căn cứ chính thức trong viện dẫn và áp dụng pháp luật, được trình và đăng tải đồng thời với VBQPPL sửa đổi, bổ sung. Hoàn thiện cơ chế giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh và cơ chế hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo hướng xác định rõ chủ thể có thẩm quyền, nguyên tắc, quy trình giải thích và hướng dẫn áp dụng.

Nghiên cứu cơ chế đẩy nhanh việc thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng thành pháp luật. Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội trong hoạt động lập pháp theo hướng tăng hợp lý số kỳ họp của Quốc hội, nhất là thông qua hình thức trực tuyến, gắn với phát huy vai trò của đại biểu Quốc hội chuyên trách, các đoàn đại biểu Quốc hội.

Trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nghiên cứu cơ chế cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ được ban hành văn bản điều chỉnh quy định của luật trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Đẩy mạnh truyền thông chính sách, pháp luật; chăm lo xây dựng đội ngũ người làm công tác

► Xem tiếp trang 19



Chính sách

VỀ THU HÚT CHUYÊN GIA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA VIỆT NAM

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và Nhân dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng

dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

Để cụ thể các vấn đề trên, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các bộ, ngành liên quan khẩn trương xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực, nhân tài khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong và ngoài nước; có chính sách

đãi ngộ đặc biệt để thu hút các chuyên gia hàng đầu về nước làm việc. Chính vì lẽ đó, ngày 19/9/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo đó, kể từ ngày 19/9/2025, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đáp ứng tiêu chí chuyên gia quy định tại Nghị định này được đề cử, ứng cử, lựa chọn làm chuyên gia. Cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan là đối tượng được áp dụng theo Nghị định này.

Để lựa chọn được các chuyên gia, Nghị định này xác định, chuyên gia là người có kiến thức, trình độ, kinh nghiệm nghiên cứu trong một hoặc nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng các tiêu chí chung: Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các ngành công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do cấp có thẩm quyền ban hành, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của quốc gia, khu vực và quốc tế; Có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt; Có mong muốn cống hiến cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Việt Nam.

Đồng thời, các chuyên gia cũng phải đáp ứng một trong các tiêu chí cụ thể sau đây: Là tác giả hoặc đồng tác giả

sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn; hoặc có chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ thực hiện tại Việt Nam và đang công tác tại bộ phận nghiên cứu của viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp uy tín ở nước ngoài. Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc, đã đạt giải thưởng quốc tế hoặc đã được ứng dụng rộng rãi mang lại hiệu quả thiết thực và phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia.

Có bằng tiến sĩ từ các trường đại học trong nhóm 200 đại học hàng đầu thế giới theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín và có thời gian tối thiểu 05 năm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo có uy tín ở nước ngoài thuộc chuyên ngành phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia. Có bằng tiến sĩ và đã có ít nhất 05 năm làm việc tại vị trí nghiên cứu khoa học trong chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ hoặc trong bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài. Có tối thiểu 10 bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí danh tiếng hoặc là thành viên hội đồng khoa học của các tạp chí uy tín hoặc tham gia hướng dẫn thành công ít nhất 02 nghiên cứu sinh tiến sĩ.

Trường hợp ứng viên không đáp ứng tiêu chí quy định nêu trên thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia quyết định việc tuyển chọn chuyên gia triển khai thực hiện chương

trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Các chuyên gia có quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, căn cứ yêu cầu của vị trí được giao đảm nhiệm, chuyên gia được thực hiện một số quyền và nghĩa vụ ghi trong hợp đồng lao động:

Được quyết định vấn đề kỹ thuật, công nghệ và giải quyết vướng mắc kỹ thuật thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao. Được chủ động lựa chọn và đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực khoa học, công nghệ; tổ chức khoa học, công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ; được chủ động lựa chọn, sử dụng nhân lực trong phạm vi nhiệm vụ được giao. Được chủ động quyết định sử dụng kinh phí, nguồn lực được giao, bao gồm cả việc sử dụng kinh phí để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết, bí quyết công nghệ với giá thỏa thuận. Được tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí khảo sát, trao đổi khoa học với nhà khoa học nước ngoài để cập nhật công nghệ mới. Các quyền và nghĩa vụ khác.

Bên cạnh các quyền và nghĩa vụ, các chuyên gia có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế có liên quan; bảo vệ thông tin, dữ liệu về chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm cá nhân nếu vi phạm nghĩa vụ hợp đồng lao động đã ký kết gây tổn thất về tài chính, làm thất thoát tài sản, hư hại sản phẩm hoặc làm lộ thông tin, tài liệu bí mật nhà nước.

Đồng thời phải tôn trọng văn hóa, phong tục, tập quán của Việt Nam; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, tính trung thực, khách quan và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Chính sách tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc và chế độ phúc lợi đối với chuyên gia: Tiền lương được thỏa thuận trong hợp đồng lao động đối với chuyên gia, bảo đảm tương xứng với nhiệm vụ được giao và phù hợp với mặt bằng tiền lương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tương ứng trên thị trường lao động. Tiền thưởng hàng năm do cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quyết định trên cơ sở kết quả đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao, tối đa 04 tháng tiền lương ghi trong hợp đồng lao động. Tiền thưởng thu được từ việc cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, tự khai thác, sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi góp vốn, hợp tác, liên doanh, liên kết, kinh doanh dịch vụ hoặc thành lập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ngoài ra, nhà nước hỗ trợ ban đầu 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động để ổn định chỗ ở, di chuyển, mua sắm thiết yếu; được hỗ trợ tiền thuê nhà, phương tiện đi lại hoặc cung cấp căn hộ tiêu chuẩn, phương tiện đi lại trong thời gian làm chuyên gia; được chi trả

kinh phí đi nghiên cứu, trao đổi khoa học ở nước ngoài khi được cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cử theo yêu cầu nhiệm vụ.

Về chăm sóc y tế, nghỉ dưỡng và nghỉ phép trong năm: Được cung cấp gói chăm sóc sức khỏe tự nguyện theo năm không quá 01% tiền lương một năm ghi trong hợp đồng lao động.

Hằng năm, được hưởng 07 ngày nghỉ dưỡng trong nước và được hỗ trợ kinh phí tối đa 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động cho bản thân cùng thành viên gia đình (bao gồm vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi). Được nghỉ phép theo quy định của pháp luật về lao động, được chi trả kinh phí vé máy bay khứ hồi 01 lần/năm cho chuyên gia cùng thành viên gia đình (bao gồm vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) về nước.

Về tôn vinh, khen thưởng: Được tôn vinh hoặc ghi nhận sự đóng góp của chuyên gia khi chính thức nhận nhiệm vụ tại Việt Nam và khi kết thúc và hoàn thành nhiệm vụ ghi trong hợp đồng lao động; được lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước gặp mặt, biểu dương, nghe báo cáo kiến nghị, đề xuất; được tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; được nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nước và nước ngoài, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Chính sách đối với chuyên gia sau khi kết thúc và hoàn thành nhiệm vụ: Chuyên gia là người nước ngoài nếu có nguyện vọng được giảm điều kiện khi



xem xét cho nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật. Chuyên gia có quốc tịch Việt Nam có nhu cầu vào làm công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định tiếp nhận vào vị trí việc làm; được xem xét bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội mà không nhất thiết bảo đảm điều kiện về độ tuổi, chức danh quy hoạch, trình độ lý luận chính trị, thời gian giữ chức vụ liên kế.

Chính sách đối với thành viên gia đình chuyên gia: Ngoài chính sách được hưởng cùng với chuyên gia theo quy định như: Hằng năm, được hưởng 07 ngày nghỉ dưỡng trong nước và được

hỗ trợ kinh phí tối đa 01 tháng lương; được nghỉ phép theo quy định của pháp luật về lao động, được chi trả kinh phí vé máy bay khứ hồi 01 lần/năm, thành viên gia đình chuyên gia (bao gồm: Vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) khi ở Việt Nam còn được hưởng các chính sách sau:

Được hỗ trợ tìm trường học và hỗ trợ học phí cho con dưới 18 tuổi trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập. Được cung cấp gói chăm sóc sức khỏe tự nguyện cho gia đình theo năm không quá 01% tiền lương một năm ghi trong hợp đồng lao động của chuyên gia. Được hỗ trợ giới thiệu, tạo điều kiện tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định của pháp luật khác có liên quan. Được cấp thị thực nhiều lần, thẻ tạm trú tương ứng với thời gian làm việc của chuyên gia (nếu có).

Chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân đề cử chuyên gia: Nghị định quy định sau 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng lao động, nếu chuyên gia đáp ứng yêu cầu chương trình, nhiệm vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đề cử chuyên gia được thưởng 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động của chuyên gia.

Đảng và Nhà nước ta phấn đấu đến năm 2045, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số

ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam đòi hỏi cần có sự nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của các cấp ủy, tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Sự quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

Có chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào “*học tập số*”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất. □

Nguyễn Hải Đăng

Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam...

► *Tiếp theo trang 13*

tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật; tăng cường tính chuyên nghiệp trong công tác soạn thảo VBQPPL; xây dựng cơ chế đánh giá VBQPPL sau ban hành; đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Về tổ chức thực hiện, Bộ Chính trị giao: (1) Đảng ủy Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, Chương trình lập pháp năm 2026 và các năm tiếp theo; tiến hành tổng rà soát hệ thống VBQPPL để hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật theo định hướng tại Kết luận này. (2) Đảng ủy Chính phủ bám sát các giải pháp của Đề án, chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về xây dựng, ban hành VBQPPL, phân định rõ hơn thẩm quyền lập pháp, lập quy, xác định rõ những nội dung cần được quy định trong từng loại VBQPPL; chỉ đạo các đảng ủy bộ, cơ quan ngang bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp của Đề án trong phạm vi lĩnh vực bộ, cơ quan ngang bộ phụ trách. Chỉ đạo Đảng ủy Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới và sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành VBQPPL, trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 2 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 01/3/2027. (3) Các tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp thực hiện các giải pháp của Đề án trong phạm vi địa phương. (4) Đảng ủy Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận; báo cáo Bộ Chính trị theo quy định. □

Phạm Văn Chung



Luật Trí tuệ nhân tạo - Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam

Luật Trí tuệ nhân tạo được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 10/12/2025, tại Kỳ họp thứ 10. Luật có 8 chương, 35 điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026. Tiếp đó, ngày 10/3/2026, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 05/2026/TT-BKHCN ban hành Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng cho sự phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, bảo đảm phát triển an toàn, có trách nhiệm và vì con người; thúc đẩy trí tuệ nhân tạo trở thành hạ tầng trí tuệ quốc gia, là động lực cho tăng trưởng năng suất, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia; tạo lập môi trường pháp lý minh bạch, nhân văn và đáng tin cậy, khuyến khích hợp tác, sáng tạo, thương mại hóa và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI).

Luật Trí tuệ nhân tạo (AI) quy định sáu nhóm hành vi bị nghiêm cấm:

Xác định nguyên tắc cốt lõi là lấy con người làm trung tâm, bảo đảm an toàn, quyền con người và sự kiểm soát của con người đối với các quyết

định của hệ thống, Luật quy định 06 nhóm hành vi bị nghiêm cấm sau: (i) Lợi dụng, chiếm đoạt hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức,

cá nhân. (ii) Phát triển, cung cấp, triển khai hoặc sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mục đích thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của luật; sử dụng yếu tố giả mạo hoặc mô phỏng người, sự kiện

thật dễ lừa dối hoặc thao túng nhận thức, hành vi của con người một cách có chủ đích và có hệ thống, gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con người; lợi dụng điểm yếu của nhóm người dễ bị tổn thương, bao gồm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số hoặc người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi để gây tổn hại cho chính họ hoặc người khác; tạo ra hoặc phổ biến nội dung giả mạo có khả năng gây nguy hại nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. (iii) Thu thập, xử lý hoặc sử dụng dữ liệu để phát triển, huấn luyện, kiểm thử hoặc vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo trái với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và an ninh mạng. (iv) Cản trở, vô hiệu hóa hoặc làm sai lệch cơ chế giám sát, can thiệp và kiểm soát của con người đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo theo quy định của Luật này. (v) Che giấu thông tin bắt buộc phải công khai, minh bạch hoặc giải trình; tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin, nhãn, cảnh báo bắt buộc trong

hoạt động trí tuệ nhân tạo. (vi) Lợi dụng hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá hoặc kiểm định hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi trái quy định của luật.

Luật quy định cơ chế quản lý dựa trên mức độ rủi ro của hệ thống AI và được phân loại thành ba cấp độ: (i) rủi ro cao, (ii) rủi ro trung bình và (iii) rủi ro thấp, dựa trên tiêu chí về mức độ tác động đến quyền con người, an toàn, an ninh, phạm vi người sử dụng và quy mô ảnh hưởng của hệ thống. Đồng thời, Luật quy định nghĩa vụ của nhà cung cấp trong việc tự phân loại và thông báo kết quả cho cơ quan có thẩm quyền đối với hệ thống có rủi ro trung bình và cao. Các trách nhiệm về minh bạch được quy định chi tiết, yêu cầu nhận diện tương tác với trí tuệ nhân tạo và ***gắn nhãn nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo ra***. Ngoài ra, quy định về quản lý và xử lý sự cố, quy trình đánh giá sự phù hợp bắt buộc đối với hệ thống rủi ro cao trước khi đưa vào sử dụng, nhằm bảo đảm an toàn và tuân thủ pháp luật.

Xây dựng hạ tầng và bảo đảm chủ quyền trí tuệ nhân tạo quốc gia: Hạ tầng AI quốc gia được

xây dựng như một hệ sinh thái thống nhất, bao gồm năng lực tính toán, dữ liệu dùng chung và nền tảng huấn luyện, kiểm thử và môi trường thử nghiệm; mô hình nền tảng do Nhà nước định hướng và điều phối. Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về AI tại Trung tâm dữ liệu quốc gia theo nguyên tắc mở và an toàn, đồng thời khuyến khích chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và khu vực tư nhân. Nhà nước ưu tiên nguồn lực để làm chủ công nghệ cốt lõi, phát triển các mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số, cũng như thúc đẩy mã nguồn mở nhằm bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian số. Các ứng dụng AI trong lĩnh vực thiết yếu bắt buộc phải triển khai trên hạ tầng quốc gia để đảm bảo an ninh và khả năng kiểm soát.

Về ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực: Các chính sách thúc đẩy hệ sinh thái AI thông qua Chiến lược quốc gia và các cơ chế ưu đãi về thuế, đầu tư, tài chính cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo. Thiết lập cơ chế “thử nghiệm có kiểm soát” cho phép miễn

giảm một số nghĩa vụ pháp lý để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cùng với việc thành lập Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia để hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu và khởi nghiệp. Về nhân lực, Nhà nước triển khai chương trình giáo dục toàn diện từ phổ thông đến đại học, tích hợp tư duy tính toán và đạo đức AI, đồng thời phát triển các cụm liên kết AI.

Luật quy định các hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp trong việc tiếp cận hạ tầng tính toán và dữ liệu.

Về đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động trí tuệ nhân tạo: Đạo đức trí tuệ nhân tạo là hệ giá trị, nguyên tắc và chuẩn mực định hướng việc nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm bảo đảm tôn trọng con người, quyền con người, lợi ích công cộng và phát triển bền vững.

Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia với 4 nhóm tiêu chí sau:

Một là, bảo đảm an toàn, độ tin cậy và không gây hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và đời sống tinh thần của con người. Cụ thể: (i) Thiết kế an toàn ngay từ đầu:

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác định trước các kịch bản gây hại có thể xảy ra đối với tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và xây dựng biện pháp phòng ngừa. (ii) Độ tin cậy và chất lượng: Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thiết lập tiêu chí chất lượng dữ liệu, mô hình, kết quả đầu ra; thực hiện xây dựng các cơ chế kiểm thử, xác nhận, kiểm định nội bộ trước khi triển khai. (iii) Kiểm soát của con người: Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng cơ chế giám sát và can thiệp của con người phù hợp với mức độ ảnh hưởng của hệ thống; bảo đảm duy trì sự kiểm soát và khả năng can thiệp của con người đối với mọi quyết định và hành vi của hệ thống trí tuệ nhân tạo. (iv) Khả năng phục hồi, ứng phó và bảo mật: Tổ chức, cá nhân xây dựng cơ chế tiếp nhận phản ánh, phát hiện lỗi và khắc phục; có kế hoạch dự phòng trong trường hợp hệ thống hoạt động sai lệch hoặc bị lạm dụng. (v) Bảo đảm an ninh của hệ thống trí tuệ nhân tạo: Tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và ứng phó với các hành vi xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, đầu độc dữ liệu, đầu

độc mô hình, tấn công đối nghịch, khai thác lỗ hổng, rò rỉ dữ liệu và lạm dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; bảo đảm tính bí mật, toàn vẹn và sẵn sàng của dữ liệu, mô hình, thuật toán và hạ tầng liên quan.

Hai là, tôn trọng quyền con người, quyền công dân, bảo đảm công bằng, minh bạch và không phân biệt đối xử trong phát triển và sử dụng trí tuệ nhân tạo. Cụ thể là: (i) Tôn trọng quyền con người, quyền công dân: Tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp rà soát phù hợp để bảo đảm hệ thống trí tuệ nhân tạo không xâm phạm quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, tự do ý chí, quyền tiếp cận thông tin, quyền được đối xử bình đẳng và các quyền hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. (ii) Công bằng và không phân biệt đối xử: Tổ chức, cá nhân sử dụng các biện pháp nhận diện và giảm thiểu thiên lệch dữ liệu, thiên lệch mô hình và thiên lệch vận hành; bảo đảm xem xét đầy đủ tác động đến nhóm dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, nhóm yếu thế. (iii) Minh bạch: Tổ chức, cá nhân xây dựng thông báo phù hợp về việc có

sử dụng trí tuệ nhân tạo; bảo đảm cung cấp thông tin ở mức hợp lý về mục tiêu, phạm vi, dữ liệu, cách thức hoạt động tổng quát và giới hạn của hệ thống; bảo đảm không gây hiểu nhầm về năng lực của hệ thống. (iv) Khả năng giải thích và trách nhiệm giải trình: Tổ chức, cá nhân xác định rõ các tác động mà hệ thống có thể gây ra, chuẩn bị tài liệu giải thích và bằng chứng về quá trình thiết kế, huấn luyện, kiểm thử. Phân định rõ chủ thể chịu trách nhiệm giải trình đối với các quyết định do hệ thống tạo ra.

Ba là, thúc đẩy hạnh phúc, thịnh vượng và sự phát triển bền vững của con người, cộng đồng và xã hội. Trong đó: (i) Lợi ích xã hội: Tổ chức, cá nhân xác định rõ lợi ích công cộng, giá trị gia tăng và tác động tích cực của hệ thống đối với con người và cộng đồng; có phương án xử lý, khắc phục tác động tiêu cực trước khi triển khai. (ii) Phát triển bao trùm: Tổ chức, cá nhân đảm bảo ưu tiên thiết kế giao diện dễ tiếp cận, dễ sử dụng; thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, nhóm dân cư. (iii) Phát triển bền vững: Tổ chức, cá nhân phát triển hoặc triển khai



hệ thống trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm xem xét mức tiêu thụ năng lượng, tài nguyên tính toán và tác động môi trường trong suốt vòng đời hệ thống; ưu tiên lựa chọn giải pháp kỹ thuật, hạ tầng và quy trình vận hành tiết kiệm năng lượng, hạn chế phát thải. (iv) Tôn trọng văn hóa và giá trị xã hội: Tổ chức, cá nhân thiết kế hệ thống trí tuệ nhân tạo theo hướng phù hợp chuẩn mực đạo đức xã hội và bản sắc văn hóa Việt Nam; không được tạo ra các nội dung kỳ thị, phân biệt đối xử hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng.

Bốn là, khuyến khích đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Cụ thể: (i) Khuyến khích đổi mới: Tổ chức, cá nhân triển khai thử nghiệm, thí điểm và mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo hướng có trách nhiệm; thúc đẩy nghiên cứu mở,

chia sẻ tri thức phù hợp quy định pháp luật và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. (ii) Trách nhiệm xã hội: Tổ chức, cá nhân phát triển, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo phân định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong vòng đời hệ thống; bảo đảm có đầu mối tiếp nhận, xử lý khiếu nại và khắc phục hậu quả. (iii) Nâng cao năng lực và hợp tác: Tổ chức, cá nhân chú trọng đào tạo về nhận thức, rủi ro đạo đức, kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn cho cán bộ, người lao động; tăng cường hợp tác và học hỏi các tiêu chuẩn quốc tế về đạo đức trí tuệ nhân tạo. (iv) Hợp tác và học hỏi: Tổ chức, cá nhân tăng cường hợp tác quốc tế, tham gia sáng kiến, tiêu chuẩn, bộ quy tắc ứng xử về đạo đức trí tuệ nhân tạo; tận dụng sáng kiến khu vực tư nhân phục vụ lợi ích công theo điều kiện Việt Nam. □

Thanh Ngọc

Tăng cường các biện pháp **BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Bảo mật thông tin cá nhân rất quan trọng đối với mỗi cá nhân, không những liên quan đến các thông tin bí mật riêng tư được pháp luật bảo vệ mà còn hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật khác có thể ảnh hưởng đến quyền lợi, ích hợp pháp của công dân. Minh chứng rõ nhất là hành vi đánh cắp tài khoản, bí mật đời tư với mục đích trục lợi, gây hại, thao túng, tạo áp lực lên cá nhân đó buộc phải thực hiện hành vi sai trái.

Tình trạng làm lộ bí mật thông tin cá nhân hiện nay khá phổ biến và ngày càng có xu hướng gia tăng nghiêm trọng. Do đó, chẳng có gì quá bất ngờ hay ngạc nhiên khi một ngày nào đó bạn nhận được điện thoại từ một người hoàn toàn xa lạ, có khi ở cách xa hàng ngàn cây số và bạn không hề quen biết, chưa từng gặp mặt. Sau màn chào hỏi rất lịch sự, ân cần là lời mời chào bạn tham gia một chương trình nào đó hoặc đề nghị mua ấn phẩm, sách báo hay mua bảo hiểm... Tất nhiên là kèm theo lời quảng cáo về những khuyến mãi, ưu đãi biệt nào đó. Điều đáng nói là họ không những biết số điện thoại, tên tuổi của bạn mà còn biết rất rõ về gia đình, nơi làm việc, vị trí công tác, ngày tháng năm sinh, gia đình, địa chỉ nhà riêng, quê quán... Việc này không những gây phiền hà, rắc rối trong cuộc sống, sinh hoạt bình thường của chúng ta mà tài sản trong tài khoản của bạn có thể bị chiếm đoạt hoặc bị tống tiền, bôi nhọ danh dự cá nhân...

Vậy tại sao những người này lại biết rất rõ về thông tin, bí mật riêng tư của chúng ta? Rất đơn giản đó là do thông tin về nhân thân của bạn đã bị ai đó tiết lộ

và cung cấp trái phép cho người khác, khi chưa có sự đồng ý của bạn. Bởi vì, trong cuộc sống hàng ngày chúng ta phải khai báo các thông tin bản thân vì những mục đích khác nhau như nộp thuế, sơ yếu lý lịch, hồ sơ cán bộ, công chức, đăng ký lắp đặt điện, nước, điện thoại, làm CCCD, hộ chiếu... theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Đây là nguyên nhân dẫn đến làm lộ bí mật và cung cấp thông tin khách hàng ra bên ngoài, vì rất ít người dân tự làm lộ thông tin, bí mật cá nhân, gia đình ra bên ngoài.

Trong thời đại tội phạm công nghệ cao xuất hiện ngày càng nhiều như hiện nay thì việc tiết lộ, cung cấp thông tin cá nhân ra bên ngoài một cách bất hợp pháp là khá nguy hiểm. Bởi vì, dựa vào các thông tin cá nhân có được các đối tượng xấu, tổ chức tội phạm sẽ khai thác, sử dụng thông tin này để thực hiện hành vi lừa đảo, tống tiền hoặc chiếm đoạt tài sản qua việc mở tài khoản ngân hàng, thậm chí thành lập doanh nghiệp để trốn thuế... Điều này không những ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự, an toàn xã hội, xa hơn có thể là

➤ Xem tiếp trang 34

ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TRA TẤN, VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI CÁC XÃ MIỀN NÚI

Nhằm phổ biến rộng rãi nội dung Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh; nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật về phòng, chống tra tấn cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; đồng thời, tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hiểu biết của toàn xã hội về các quyền con người; thông tin đầy đủ giúp người dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế hiểu rõ về quan điểm, chủ trương, nỗ lực và kết quả đạt được trong công tác bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam, Sở Tư pháp đã tổ chức các lớp tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống tra tấn, về quyền con người tại các xã miền núi trong tỉnh, cụ thể:

Tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tra tấn

Thực hiện các kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường thực thi hiệu quả Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc hạ nhục con người và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban chống tra tấn (Kế hoạch số 92/KH-UBND

ngày 26/4/2023 và Kế hoạch số 794/KH-UBND, ngày 24/3/2023); đồng thời, tiếp tục thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn*” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; ngày 31/3/2026, Sở Tư pháp



Sở Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống tra tấn tại xã Đắk Pék

đã phối hợp với UBND xã Đắk Pék tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về Công ước Chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn cho hơn 100 đại biểu là đại diện lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN và các tổ chức thành viên thuộc Mặt trận; lãnh đạo và công chức các cơ quan: Công an, Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa Xã hội; tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở của xã Đắk Pék.

Tại hội nghị, các báo cáo viên pháp luật tỉnh (thuộc Sở Tư pháp) đã trình bày các nội dung cơ bản của Công ước chống tra tấn; giới thiệu các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn, bao gồm: *Các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhất là các quyền, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến phòng, chống tra tấn; các quyền của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự liên quan đến các hành vi tra tấn; các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật khiếu nại, Luật tố cáo để bảo đảm thực hiện tốt hơn các quyền con người và phù hợp với yêu cầu của Công ước chống tra tấn.* Ngoài ra, ban tổ chức cũng dành thời lượng để các đại biểu tham dự hội nghị trao đổi, thảo luận hỏi đáp những vấn đề liên quan đến nội dung lĩnh vực công tác tư pháp khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, kịp thời giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong lĩnh vực về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở. Thông qua hội nghị đã giúp cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân

và lực lượng vũ trang của xã nắm được những kiến thức cơ bản của pháp luật về phòng, chống tra tấn từ đó tự bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tuyên truyền các Công ước về quyền con người và pháp luật Việt Nam về quyền con người

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu tại **Đề án “Tuyên thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2026 - 2028”** tại Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 06/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; ngày 01/4/2026, Sở Tư pháp đã phối hợp với UBND xã Đắk Rve tổ chức 01 lớp tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản các Công ước về quyền con người và pháp luật Việt Nam về quyền con người cho đội ngũ người làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở; đại diện lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN và các tổ chức thành viên thuộc Mặt trận; lãnh đạo và công chức các cơ quan: Công an; Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa Xã hội và các phòng, ban chuyên môn khác liên quan trên địa bàn xã Đắk Rve.

Với những kinh nghiệm thực tế qua quá trình tham mưu quản lý nhà nước trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhiều năm, các báo cáo viên pháp luật tỉnh (thuộc Sở Tư pháp) đã truyền đạt những nội dung cơ bản gắn với minh họa thực tiễn, gần gũi, cần thiết, phù hợp với các sự kiện, tình huống pháp lý diễn ra tại địa phương, trong đó tập trung giới thiệu một số nội dung cơ bản của các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên (*gồm: Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị; Công ước về các Quyền Kinh*



Quyền con người

tế, Xã hội và Văn hóa; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về Quyền trẻ em; Công ước về Quyền của Người khuyết tật; Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người); kết quả nội luật hóa và triển khai thực thi các cam kết quốc tế về quyền con người; đồng thời tuyên truyền rộng rãi các quy định của pháp luật Việt Nam (nội luật hóa) về quyền con người được quy định trong Hiến pháp và các văn bản luật (*Bộ luật Dân sự; Bộ luật Hình sự; Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Trẻ em; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Khám, chữa bệnh; Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước;*

Luật Tiếp cận công dân; Luật Tiếp cận thông tin;...). Qua các đợt tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tra tấn và về quyền con người, các đại biểu tham dự đã có những phát biểu, giải bày việc nắm hiểu các quy định nói trên là hết sức cần thiết và có ý nghĩa, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn, phòng ngừa những luận điệu xuyên tạc đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong bảo vệ quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam. Sau hội nghị đội ngũ người làm công tác tuyên truyền, PBGDPL, hòa giải viên ở cơ sở tiếp tục vận dụng vào quá trình thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, PBGDPL trong thời gian đến, để mang lại nhiều kết quả chung trong công tác PBGDPL của địa phương. □

Hoàng Hoài

QUY ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM VỀ MA TÚY

đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi hoặc người thành niên nhưng là học sinh, sinh viên

Trong bài viết này, xin được đặt ra và trao đổi một số trường hợp có thể bắt gặp trong đời sống hằng ngày liên quan đến chủ đề quy định xử lý vi phạm về ma túy và việc xử lý người có hành vi vi phạm liên quan đến ma túy (có thể là học sinh, sinh viên), pháp luật hiện hành quy định các hình thức xử lý cụ thể ra sao (hình sự, hành chính...), đặc biệt là sự khác biệt giữa xử phạt hành chính và các biện pháp giáo dục bắt buộc.

* **Thứ nhất là trường hợp người dưới 18 tuổi sử dụng ma túy**, Luật Phòng chống ma túy năm 2021 (kể cả Luật năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) cũng quy định một trong những hành vi bị nghiêm cấm là: *Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy* (khoản 5 Điều 5). Vì đã là hành vi bị nghiêm cấm nên khi chủ thể thực hiện hành vi bị nghiêm cấm sẽ bị áp dụng các chế tài để xử lý (xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự). (1) **Về xử phạt vi phạm hành chính:** Đối với chủ thể thực hiện hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” là vi phạm lần đầu thì xem xét xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình, cụ thể: (i) tại điểm a



khoản 1 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP: phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. (ii) tại điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP: phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. (2) **Xử lý hình sự:** Người sử dụng trái phép chất ma túy sẽ bị xử lý hình sự theo Điều 256a Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 (**bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm**) khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý

người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy => Tái phạm về tội này thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.

Đối với người **dưới 18 tuổi** thực hiện hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” thì về nguyên tắc vẫn bị xử lý (hành chính hoặc hình sự) tuy nhiên sẽ bị xử lý ở mức nhẹ hơn so với người đã thành niên cùng thực hiện hành vi này. Theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020: Người dưới 14 tuổi không bị xử phạt vi phạm hành chính. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi: bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; chỉ bị áp dụng **hình thức cảnh cáo** (không phạt tiền) nếu vi phạm có lỗi cố ý (hành vi sử dụng ma túy được xem là lỗi cố ý). **Người từ đủ 16 tuổi trở lên** bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính. Theo đó, hành vi này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên, **mức phạt tiền chỉ bằng 1/2** so với mức phạt của người thành niên,... Người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính có thể được áp dụng biện pháp thay thế biện pháp xử phạt vi phạm hành chính. *Việc xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong quá trình xem xét, xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng chỉ được áp dụng khi xét thấy không có biện*

pháp xử lý khác phù hợp hơn. Ngoài ra, việc xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính còn căn cứ vào khả năng nhận thức của người chưa thành niên về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, nguyên nhân và hoàn cảnh vi phạm để quyết định việc xử phạt hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính phù hợp. Theo Bộ luật Hình sự thì người từ đủ 14 tuổi trở lên đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với một số tội quy định cụ thể; từ đủ 16 tuổi trở lên sẽ chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm. Trong Luật Tư pháp người chưa thành niên thì người chưa thành niên phạm tội được hiểu là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Người chưa thành niên phạm tội thì được ưu tiên áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (là *biện pháp giám sát, giáo dục, phòng ngừa áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, bao gồm các biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều 36 của Luật TP người CTN và biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại khoản 12 Điều 36 của Luật này*).

*** Thứ hai là trường hợp người đã thành niên (trên 18 tuổi) nhưng đang là học sinh, sinh viên**

Đối với trường hợp này, theo quy định của pháp luật không có sự khác biệt về mức xử lý đối với hành vi vi phạm giữa một người trên 18 tuổi đang là học sinh, sinh viên và một người trưởng thành ngoài xã hội. Người từ đủ 18 tuổi trở lên được pháp luật Việt Nam công nhận là người thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và phải chịu trách nhiệm pháp lý độc lập, toàn diện về mọi hành vi của mình. Tuy nhiên, trên thực tế thì học sinh, sinh viên vi phạm về ma túy, có thể nói là sẽ phải gánh chịu hậu quả nặng nề hơn, bởi họ phải đối mặt với “hình phạt kép” (vừa bị



xử lý theo pháp luật chung, vừa bị xử lý kỷ luật theo quy chế, nội quy của ngành Giáo dục). Không có sự ưu tiên trong quy định của pháp luật, khi một học sinh, sinh viên trên 18 tuổi vi phạm về ma túy, các cơ quan, cấp có thẩm quyền sẽ xem xét, áp dụng hình thức xử lý giống như một công dân bình thường: (1) **Về xử phạt vi phạm hành chính:** Nếu chỉ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, họ có thể bị phạt tiền (theo Nghị định 282/2025/NĐ-CP). Nếu nghiện ma túy, họ có thể đối mặt với biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 đến 24 tháng (theo Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật Phòng, chống ma túy). (2) **Về trách nhiệm hình sự:** Nếu họ thực hiện các hành vi, như: Sử dụng, tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng ma túy,... họ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự. Việc đang là học sinh, sinh viên **không được coi là một tình tiết giảm nhẹ trách**

nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, đối tượng này không được hưởng các chính sách khoan hồng đặc biệt hay “xử lý chuyển hướng” như người dưới 18 tuổi. Ngoài ra, học sinh, sinh viên còn có thể chịu thêm kỷ luật từ Nhà trường/Cơ sở giáo dục, ngoài hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật; còn xem xét, xử lý theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, như: (i) Sử dụng ma túy: Sinh viên có hành vi sử dụng ma túy bị phát hiện lần thứ nhất sẽ bị kỷ luật mức đình chỉ học tập 01 năm và giao cho gia đình, địa phương quản lý, cai nghiện. Nếu vi phạm lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học. (ii) Tàng trữ, buôn bán, tổ chức sử dụng: Các hành vi liên quan đến tội phạm ma túy, nhà trường có thể áp dụng ngay hình thức kỷ luật cao nhất là buộc thôi học, đồng thời, giao cho cơ quan chức năng xử lý.

*** Thứ ba là trường hợp cá nhân, tổ chức có hành vi lôi kéo, dụ dỗ hoặc cung cấp ma túy cho học sinh**

Theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy: “Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy” là một trong các hành vi bị nghiêm cấm. Bên cạnh đó, Bộ luật Hình sự quy định đối với các hành vi xâm phạm đến đối tượng là học sinh (phần lớn là người dưới 18 tuổi) và môi trường giáo dục, hệ thống pháp luật Việt Nam thiết lập một hành lang pháp lý rất nghiêm khắc. Mục tiêu không chỉ là trừng trị thích đáng mà còn tạo ra sự răn đe mạnh mẽ, cách ly vĩnh viễn những đối tượng này khỏi xã

hội nếu cần thiết. Hành vi lôi kéo, dụ dỗ hay cung cấp ma túy cho học sinh bị điều chỉnh chủ yếu bởi Bộ luật Hình sự với các chế tài cụ thể, như: chế tài đối với hành vi **“Lôi kéo, dụ dỗ” (Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy).**

Theo Điều 258 Bộ luật Hình sự, việc rủ rê, xúi giục, dụ dỗ học sinh sử dụng ma túy bị coi là tình tiết định khung tăng nặng với mức phạt tù rất cao, cụ thể: **Đối với học sinh từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi:** Đối tượng lôi kéo sẽ phải đối mặt với khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm (điểm c khoản 2 Điều 258). **Đối với học sinh dưới 13 tuổi:** Đây là hành vi đặc biệt nguy hiểm, đối tượng lôi kéo sẽ bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm (điểm b khoản 3 Điều 258). **Tình tiết tăng nặng:** Nếu hành vi lôi kéo diễn ra đối với nhiều người (từ 02 người trở lên) hoặc thực hiện nhiều lần, mức phạt sẽ áp dụng ở các khung cao nhất của điều luật này. Hoặc tình tiết “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hoặc chế tài đối với hành vi **“Cung cấp” ma túy (Mua bán hoặc Tổ chức sử dụng):** Việc cung cấp ma túy cho học sinh thường cấu thành hai tội danh đặc biệt nghiêm trọng, với mức án có thể lên tới chung thân hoặc tử hình: *Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251):* Bán ma túy cho người dưới 16 tuổi, hoặc bán ma túy trong khuôn viên trường học/cơ sở giáo dục là các tình tiết tăng nặng định khung. Mức phạt tù khởi điểm từ **07 năm đến 15 năm**, và tùy thuộc vào khối lượng ma túy, đối tượng có thể bị phạt tù chung thân hoặc **tử hình**. *Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255):* Việc cung cấp ma túy, địa điểm, dụng cụ cho học sinh sử dụng bị xử lý vô cùng khắt khe. Tổ chức cho người từ đủ 13 tuổi đến dưới

18 tuổi: Phạt tù từ **07 năm đến 15 năm**. Tổ chức cho người dưới 13 tuổi: Phạt tù từ **15 năm đến 20 năm**. Nếu gây hậu quả làm nạn nhân tử vong, mức án sẽ là **20 năm hoặc tù chung thân**. Pháp luật hình sự quy định rõ tình tiết định khung “phạm tội trong cơ sở giáo dục” (như trường học, trung tâm đào tạo) là một tình tiết định khung tăng nặng đối với nhiều tội phạm về ma túy. Điều này nhằm tạo ra một “vùng cấm”, bảo vệ tuyệt đối sự an toàn của học sinh khi đến trường. Bất cứ đối tượng nào mang ma túy vào khu vực này để giao dịch hay rủ rê đều mặc nhiên bị áp dụng khung hình phạt nặng hơn so với việc phạm tội ngoài xã hội.

Đối với các tổ chức, cơ sở kinh doanh thì xử lý, nếu các cơ sở kinh doanh (quán bar, karaoke, quán nước quanh trường học) bao che, dung túng hoặc tạo điều kiện để các đối tượng lôi kéo, cung cấp ma túy cho học sinh. (i) Về hành chính: Xử phạt tiền, thu hồi giấy phép kinh doanh. (ii) Về hình sự: Chủ cơ sở hoặc người quản lý nếu biết rõ mà vẫn để hiện tượng này xảy ra sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255) hoặc Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256).

Tóm lại, theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy các hành vi vi phạm về ma túy đều là hành vi nghiêm cấm dù đối tượng đó là người thành niên hay vị thành niên. Do đó, trong bài viết này tác giả xin chia sẻ các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành và mong muốn mọi cá nhân chấp hành nghiêm quy định của luật và không vi phạm dưới bất kỳ hình thức nào, góp phần bảo đảm trật tự xã hội trên địa bàn và vì bình yên cuộc sống. □

Nguyễn Trần Đạt

MỘT SỐ KẾT QUẢ SAU 02 NĂM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN:

“Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030”

Sau 02 năm triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) theo Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN).

Ngay sau khi Đề án được ban hành, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai; đồng thời, chỉ đạo lồng ghép nội dung của Đề án vào các kế hoạch về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm và các đề án liên quan. Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh đưa nội dung Đề án vào kế hoạch hoạt động hằng năm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã nhằm bảo đảm việc triển khai được thực hiện đồng bộ, hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt tại các địa bàn miền núi.

Cùng với đó, Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh được kiện toàn theo quy định (hiện nay gồm 32 thành viên);

Tổ Thư ký giúp việc gồm 41 công chức thuộc các sở, ban, ngành được thành lập để tham mưu, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ làm công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh tiếp tục được củng cố và phát triển với 544 báo cáo viên pháp luật (BVCPL) và 2.484 tuyên truyền viên pháp luật (TTVPL); trong đó hơn 500 TTVPL đang hoạt động tại các địa phương miền núi. Lực lượng hòa giải ở cơ sở ngày càng được tăng cường với 1.714 tổ hòa giải và 11.189 hòa giải viên, trong đó có hơn 5.000 hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Hằng năm, các tổ hòa giải tiếp nhận hơn 2.500 vụ việc, tỷ lệ hòa giải thành đạt trên 84%. Thông qua hoạt động hòa giải và tuyên truyền pháp luật, nhiều mâu thuẫn, tranh chấp được giải quyết ngay tại cơ sở, góp phần giữ gìn tình làng nghĩa xóm, ổn định trật tự xã hội tại địa phương.

Hoạt động PBGDPL trực tiếp do đội ngũ BVCPL, TTVPL thực hiện tiếp tục phát huy hiệu quả, từng bước đưa pháp luật đến gần hơn với người dân, đặc biệt là đồng bào DTTS&MN. Nhiều mô hình, cách làm sáng tạo được duy trì và phát huy như: tuyên truyền pháp luật qua mạng xã hội, hệ thống loa truyền thanh cơ sở; lồng ghép nội dung pháp luật trong sinh hoạt cộng đồng, lễ hội truyền thống; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín; thành lập các câu lạc bộ, tổ tư vấn pháp luật phù hợp với đặc thù từng địa bàn.

Song song với đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL cũng được đẩy mạnh. Trong hai năm qua, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức 04 cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật thu hút đông đảo cán bộ, công chức và Nhân dân tham gia, như: Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” với 57.868 lượt người tham gia; Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về lao động” với 33.439 lượt người tham gia; Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ” với 30.323 lượt người tham gia; và Cuộc thi “Tìm hiểu kỹ năng và pháp luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” với 85.233 lượt người tham gia. Nhiều người dân vùng đồng bào DTTS&MN đã tích cực hưởng ứng và đạt giải, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng. Bên cạnh đó, các cơ quan, địa phương cũng chú trọng tổ chức các lớp tập huấn theo từng chuyên ngành, lĩnh vực phù hợp; tăng cường đăng tải tin, bài pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) và mạng xã hội trong công tác PBGDPL; xây dựng các video, clip pháp luật đăng tải trên Trang thông tin điện tử và hệ thống loa truyền thanh cơ sở..., qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

Đối với Sở Tư pháp, với vai trò là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án, đã chủ động tham mưu, triển khai nhiều hoạt động thiết thực. Trong giai đoạn 2024 - 2025 đã tổ chức 05 hội nghị quán triệt, triển khai 21 văn bản luật mới ban hành cho hơn 600 lượt đại biểu; tổ chức 18 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ PBGDPL, hòa giải ở cơ sở cho hơn 2.000 đại biểu là công

chức tư pháp, BCV, TTVPL và hòa giải viên tại các địa phương miền núi. Nội dung tập huấn tập trung vào các vấn đề thiết thực, gắn liền với đời sống người dân như: hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, xử lý vi phạm hành chính, hình sự, pháp luật về giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp dân sự, đất đai, các tình huống pháp luật thực tế thường xảy ra trong đời sống người dân, phòng, chống tra tấn, quyền con người, các quy định về phân cấp phân quyền trong lĩnh vực Tư pháp... Bên cạnh đó, Sở đã cử hơn 10 lượt BCVPL tham gia báo cáo pháp luật tại các địa phương miền núi; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL, chú trọng sử dụng bài giảng điện tử và triển khai tập huấn trực tuyến tại nhiều điểm cầu miền núi; đồng thời, biên soạn và phát hành 06 số Thông tin pháp luật điện tử; thường xuyên đăng tải đề cương giới thiệu luật và tài liệu pháp luật trên Trang thông tin PBGDPL tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của tổ chức, cá nhân.

Cùng với đó, Sở Tư pháp chỉ đạo các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tham gia tổ tụng và tư vấn hơn 700 vụ việc tại các địa phương miền núi; tổ chức 06 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý cho già làng, người có uy tín và cán bộ cơ sở tại vùng đồng bào DTTS&MN với hơn 500 đại biểu tham gia; tổ chức 43 hội nghị truyền thông về trợ giúp pháp lý với hơn 600 đại biểu tham dự; đồng thời, cấp phát miễn phí các loại tờ gấp pháp luật và 44 bản thông tin về trợ giúp pháp lý tại một số xã miền núi; thực hiện 05 phóng sự về hoạt động trợ giúp pháp lý

cho đồng bào DTTS&MN phát sóng trên kênh truyền hình PTQ; đăng tải, cập nhật thông tin pháp luật trên các nền tảng như Facebook, Youtube... góp phần bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật của người dân.

Với những kết quả đạt được sau 02 năm triển khai Đề án đã tạo nền tảng

quan trọng để tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục nâng cao chất lượng công tác PBGDPL tại vùng đồng bào DTTS&MN trong thời gian tới, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật của Nhân dân, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. □ **Như Quỳnh**

TĂNG CƯỜNG CÁC BIỆN PHÁP BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN

▶ Tiếp theo trang 24

ảnh hưởng đến bí mật quốc gia, an ninh chính trị của đất nước, nhất là đối với những người có địa vị xã hội, lãnh đạo chủ chốt trong các ngành, lĩnh vực, lãnh đạo cấp cao...

Để hạn chế thấp nhất tình trạng lộ lọt thông tin cá nhân thiết nghĩ, các cơ quan chức năng cần có các biện pháp bảo mật tuyệt đối với những thông tin quan trọng, cơ bản của mỗi cá nhân; theo đó, hạn chế tối đa việc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân như số căn cước, số điện thoại cá nhân, địa chỉ cư trú... Trường hợp cần thiết thì sau khi thực hiện xong nội dung yêu cầu liên quan thì cơ quan yêu cầu cung cấp phải xóa dữ liệu cá nhân đã được cung cấp, nếu bị lộ lọt hoặc bị khai thác, sử dụng vào mục đích xấu thì phải chịu trách nhiệm liên đới; đồng thời, có chế tài xử lý nghiêm tình trạng khai thác, sử dụng thông tin cá nhân một cách bất hợp pháp; nghiêm cấm hành vi đánh cắp, cung cấp, mua bán thông tin cá nhân mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu.

Ngoài ra, cơ quan chức năng cần thường xuyên rà soát, xử lý kịp thời các lỗ hổng có thể làm lộ lọt thông tin



cá nhân liên quan đến hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung do cơ quan có thẩm quyền quản lý. Bên cạnh đó, tăng mức phạt tiền đối với xử lý vi phạm hành chính, nâng mức hình phạt trong xử lý hình sự đối với các hành vi cố ý sử dụng thông tin cá nhân để trục lợi hoặc lý do nào khác.

Có như vậy, mới hạn chế, phòng ngừa nguy cơ thông tin cá nhân bị kẻ xấu lợi dụng để sử dụng vào các mục đích bất chính, vụ lợi gây thiệt hại cho người dân. Mặt khác, góp phần hạn chế tối đa sự ảnh hưởng tiêu cực do việc bảo mật thông tin cá nhân yếu kém làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. □

Phạm Văn Chung

Công tác quy hoạch -

Những hạn chế, bất cập cần khắc phục

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch năm 2017 thì quy hoạch là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định. Có nhiều loại quy hoạch như quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, quy hoạch theo không gian... Theo đó, quy hoạch là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.

Để làm tốt công tác quản lý, điều hành thì phải có quy hoạch tốt nhằm định hướng, tạo điều kiện, cơ chế để phát triển vùng miền hoặc ngành, nghề, lĩnh vực nào đó một cách bền vững, có hệ thống, khoa học, tránh sự tùy tiện gây lãng phí. Điều này rất quan trọng và có ý nghĩa quyết định trong tất cả các ngành, lĩnh vực.

Công tác quy hoạch trước hết phải tuân thủ nghiêm nguyên tắc, điều kiện đã đặt ra, hạn chế tối đa việc tùy tiện bổ sung, điều chỉnh quy hoạch điều này sẽ dẫn tới tình trạng phá vỡ quy hoạch, hoặc tình trạng “*quy hoạch treo*” hoặc làm đối phó, dành chỗ. Trên thực tế, hiện nay công tác quy hoạch ở một số ngành, địa phương

vẫn còn bất cập, nhiều trường hợp quy hoạch chưa phù hợp, không khả thi đã gây cản trở sự phát triển của một số ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội, gây lãng phí nguồn lực và cản trở sự phát triển chung.

Minh chứng là trước đây trong lĩnh vực công chứng, theo quy định thì công chứng viên đủ điều kiện sẽ được phép thành lập Văn phòng công chứng hoạt động theo loại hình tư nhân, song song bên cạnh các Phòng công chứng của Nhà nước. Việc thành lập các Văn phòng công chứng góp phần giảm tải về biên chế, kinh phí cho ngân sách nhà nước, đẩy mạnh cải cách tư pháp theo hướng xã hội hóa. Tuy nhiên, sau một thời gian đầu phát triển tương đối nhanh, có thể nói là “*quá nóng*”, với nhiều Văn phòng công chứng được thành lập và hoạt động đã nảy sinh một số vấn đề như về sự an toàn pháp lý của một số hợp đồng giao dịch, nhất là những sai sót do các công chứng viên thuộc diện miễn đào tạo hành nghề công chứng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức gây khiếu nại, tố cáo phức tạp.

Để khắc phục tình trạng trên, cơ quan chức năng đã xây dựng quy hoạch công chứng nhằm định hướng phát triển các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn cấp tỉnh. Tuy nhiên, khi triển khai gặp phải một số khó khăn, bất cập - Đó là vướng quy hoạch nên một số công chứng viên không thể mở Văn phòng công chứng... vì đã đủ số lượng theo quy hoạch. Vì vậy, vô hình chung đã cản trở sự phát

triển, xã hội hóa lĩnh vực này. Điều này không phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp là ưu tiên đẩy mạnh việc xã hội hóa các lĩnh vực tư pháp như công chứng, giám định, đấu giá tài sản, thi hành án dân sự... Vì thế, sau một thời gian buộc phải bãi bỏ quy hoạch công chứng và các địa phương chỉ đưa ra các tiêu chí, điều kiện cụ thể phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Từ đó, các tổ chức hành nghề công chứng đã phát triển lành mạnh, đi vào nề nếp, ổn định phục vụ tốt nhu cầu của người dân, tổ chức.

Hay như trường hợp quy hoạch đất đai, nhiều dự án quy hoạch chưa phù hợp gây lãng phí, tốn kém hoặc không hiệu quả hoặc chậm triển khai hay còn gọi là “*quy hoạch treo*” đã gây khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống người dân do nhà đầu tư sau khi quy hoạch, thu hồi đất xong thì bỏ hoang hàng chục năm trời đất không triển khai gì. Trong khi vì vướng “*quy hoạch treo*” này mà người dân không thực hiện được các quyền của mình như chuyển đổi, chuyển nhượng, thế chấp... hoặc xây dựng nhà ở, công trình trên chính mảnh đất của mình trong thời gian dài.

Tóm lại trong tiến trình phát triển của xã hội công tác quy hoạch là cần thiết nhưng nếu không thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, khoa học sẽ có tác dụng tiêu cực đối với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước cũng như ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Do đó, thiết nghĩ các cơ quan thẩm quyền cần nghiên cứu, rà soát sớm bỏ các quy hoạch không hợp lý, nhất là các lĩnh vực nhà nước không cấm. Bởi vì, mục đích của quy hoạch là để phát triển bền vững, khoa học, có định hướng, tầm nhìn; đặc biệt theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 là người dân được phép làm những gì pháp luật không cấm. Do đó, việc lập quy hoạch, sửa đổi, bổ sung quy hoạch tùy tiện sẽ hạn chế người dân tham gia một số ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm hoặc các lĩnh vực nhà nước khuyến khích phát triển theo hướng cổ phần hóa, xã hội hóa. Điều này là bất hợp lý, cần có biện pháp kiên quyết để ngăn chặn, khắc phục nhằm khai thông nguồn lực góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững. □

Vĩnh Linh



Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh triển khai Cuộc thi trực tuyến

“TÌM HIỂU CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ”

trên địa bàn tỉnh

Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Trong đó, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội (BHXH) và bảo hiểm y tế (BHYT) giữ vai trò trụ cột, góp phần bảo vệ quyền lợi của người dân trước những rủi ro trong cuộc sống. Tuy nhiên, để các chính sách này thực sự đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả thiết thực thì công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của BHXH, BHYT cần được đẩy mạnh một cách toàn diện và hiệu quả.

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2026, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh ban hành Quyết định số 42/HĐPBGDPL ngày 20/3/2026 thành lập Ban Tổ chức, Tổ thư ký Cuộc thi “Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trong đó, thành viên Ban Tổ chức Cuộc thi có 13 đồng chí, Giám đốc Sở Tư pháp làm Trưởng ban và Tổ thư ký có 12 đồng chí là công chức thuộc Sở Tư pháp, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ.

Ban Tổ chức Cuộc thi đã họp để thông qua Kế hoạch (Kế hoạch số 07/KH-BTC ngày 03/4/2026) và Thể lệ thi. Trong kế



hoạch đã xác định rõ đối tượng tham gia thi là công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang sinh sống, lao động, học tập trên địa bàn tỉnh. Hình thức thi trực tuyến, trắc nghiệm với 30 câu hỏi thi trả lời trong 20 phút. Thời gian thi bắt đầu từ 09h00 ngày 05/5/2026 đến 17h00 ngày 05/6/2026. Cuộc thi giúp người tham gia thi

không chỉ tiếp thu kiến thức pháp luật mà còn hiểu rõ các nội dung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và vận dụng thiết thực vào đời sống. Qua cuộc thi, người tham gia sẽ được trang bị kiến thức pháp luật về các chế độ, quyền lợi và xử lý các

hành vi vi phạm về lĩnh vực BHXH, BHYT, khi hiểu rõ những lợi ích thiết thực và lâu dài, người dân sẽ chủ động tham gia, từ đó góp phần mở rộng diện bao phủ phúc lợi an sinh xã hội trên toàn tỉnh.

Một ý nghĩa quan trọng khác là Cuộc thi trực tuyến góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Việc ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ giúp tiết kiệm chi phí tổ chức mà còn nâng cao hiệu quả truyền thông, tuyên truyền pháp luật; các nền tảng trực tuyến về Cuộc thi có thể tích hợp nhiều tính năng như thống kê số lượng người tham gia, kết quả, đánh giá mức độ hiểu biết pháp luật theo từng nhóm đối tượng... hình thức thi trực tuyến còn tạo ra môi trường học tập hiện đại, hấp dẫn, nhanh tiếp thu pháp luật, thu hút nhiều đối tượng khác nhau tham gia thi và cùng với nhiều giải thưởng hấp dẫn, khuyến khích tạo động lực cho người tham gia thi. Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức pháp luật về BHXH, BHYT, Cuộc thi còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, khi một cá nhân tham gia và hiểu

rõ về chính sách BHXH, BHYT, họ có thể chia sẻ lại thông tin cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp... từ đó người dân sẽ cảm nhận rõ hơn sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về chính sách an sinh xã hội, góp phần xây dựng niềm tin của người dân, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện. Ngoài ra, việc tổ chức cuộc thi còn mang ý nghĩa giáo dục lâu dài, đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Khi học sinh, sinh viên được tiếp cận sớm kiến thức pháp luật về BHXH, BHYT, các em sẽ hình thành ý thức trách nhiệm đối với bản thân và xã hội. Đây chính là nền tảng để xây dựng một lực lượng lao động có hiểu biết pháp luật, góp phần phát triển kinh tế, xã hội bền vững trong tương lai trên địa bàn tỉnh. Qua đó, nhận thức chung của xã hội được nâng cao một cách tự nhiên, cùng với đó các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương trong toàn tỉnh tổ chức phát động lan tỏa sâu rộng và có thể lồng ghép việc tham gia Cuộc thi vào các phong trào thi đua, gắn với việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong tập thể.

Cuộc thi còn là một công cụ hữu hiệu để đánh giá

hiệu quả công tác tuyên truyền pháp luật; thông qua kết quả bài thi, có thể nhận diện những nội dung mà người dân còn hiểu chưa đúng hoặc chưa đầy đủ, đây là cơ sở quan trọng để điều chỉnh phương thức tuyên truyền, bổ sung nội dung pháp luật cần thiết, gần gũi đời sống người dân, từ đó nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong thời gian tới sát với thực tiễn đời thường; đồng thời, việc tổ chức Cuộc thi cũng thể hiện sự chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các cơ quan, địa phương trong việc đổi mới phương thức tiếp cận pháp luật nhanh chóng đến với người dân theo Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh*).

Cuộc thi trực tuyến là hình thức đổi mới trong hoạt động tuyên truyền pháp luật, đây là yêu cầu tất yếu đã được Hội đồng Phối hợp Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh tổ chức bắt đầu từ năm 2022 cho đến nay (*mỗi năm tổ chức 2 - 3 đợt thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật thu hút hơn*

► Xem tiếp trang 42

Phổ biến nội dung trong “CHƯƠNG TRÌNH BẢO ĐẢM MỨC SINH THAY THẾ ĐẾN NĂM 2030”

Ngày 13/02/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 291/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030”, nhằm duy trì mức sinh hợp lý, ổn định quy mô dân số và phục vụ phát triển nhanh, bền vững đất nước.

PHÊ DUYỆT “CHƯƠNG TRÌNH BẢO ĐẢM MỨC SINH THAY THẾ TRÊN TOÀN QUỐC ĐẾN NĂM 2030”

(Quyết định số 291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 13/2/2026)



Theo đó, Chương trình đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là tăng trung bình 2% tổng tỷ suất sinh trên toàn quốc mỗi năm; trên 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên toàn quốc; 100% tỉnh, thành phố thực hiện các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con.

Để thực hiện mục tiêu trên, Chương trình đề ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ, như: Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi; điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích; mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan.

Đặc biệt, để thực hiện hiệu quả, thành công Chương trình, có thể nói

là không thể không nhắc đến quy định của Luật về điều kiện bảo đảm thực hiện công tác dân số trong Luật Dân số ngày 10/12/2025, như quy định về: Duy trì mức sinh thay thế có các biện pháp, gồm: Trường hợp sinh con thứ hai, thời gian nghỉ thai sản đối với lao động nữ là 07 tháng; lao động nam là 10 ngày làm việc khi vợ sinh con. Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người. Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế. Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi. Ưu tiên mua, thuê mua hoặc thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở đối với người có từ 02 con để trở lên. (i). Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn. (ii). Kinh phí khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế theo lộ trình tăng mức đóng bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. (iii). Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định triển khai thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã thuộc khu vực biên giới đất liền. (iv). Lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng; trường hợp sinh con thứ hai, lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 07 tháng; thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng.

Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. (v) hoặc trường hợp vợ sinh đôi hoặc vợ sinh con thứ hai thì được nghỉ 10 ngày làm việc (đối với lao động nam đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản). Trường hợp sinh ba trở lên thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Y tế có văn bản gửi Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ đến các cơ quan, đơn vị, địa phương để phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện. Trong đó, có nội dung thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để mỗi cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế trên toàn quốc, điều kiện quan trọng nhất bảo đảm nguồn nhân lực, là tiền đề cơ bản nhất để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, dân tộc trường tồn. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình, góp phần bảo đảm cân bằng cơ cấu dân số, tạo nguồn nhân lực ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian đến. □

Nhận Bùi



“XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT”

Chỉ tiêu quan trọng trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Ngày 29/12/2025, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg quy định Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Bộ tiêu chí). Đây là văn bản có ý nghĩa quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới, phù hợp với bối cảnh cả nước thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg, trong giai đoạn 2026 - 2030 chỉ ban hành một Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, thay thế nhiều bộ tiêu chí ở các giai đoạn trước. Điểm đổi mới này góp phần bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo tiêu chí, đồng thời nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới theo hướng thực chất và bền vững. Bộ tiêu chí gồm 10 tiêu chí với 47 chỉ tiêu; nội dung các tiêu chí được rà soát, tích hợp từ nhiều tiêu chí, chỉ tiêu của xã nông thôn mới nâng cao của giai đoạn 2021 - 2025 và cập nhật các quy định mới của pháp luật và chính sách có tính đột



phá trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn. So với giai đoạn trước, yêu cầu đối với nhiều chỉ tiêu được nâng cao, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của người dân.

Một điểm đáng chú ý khác của Bộ tiêu chí là việc phân loại xã thành 03 nhóm để áp dụng mức yêu cầu phù hợp đối với một số chỉ tiêu, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Cụ thể: i- Nhóm 1: Các xã liên kết đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị hoặc xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xã được định hướng là đô thị mới; ii- Nhóm 2: Các xã trung bình, trong đó nông nghiệp vẫn là lĩnh vực sản xuất chủ yếu; iii- Nhóm 3:

Các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Việc phân nhóm dựa trên quy mô dân số, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa của từng địa bàn. Cách tiếp cận linh hoạt này vừa bảo đảm chuẩn chung quốc gia, vừa tạo điều kiện để các địa phương có xuất phát điểm khác nhau từng bước nâng cao chất lượng tiêu chí, hướng tới mục tiêu phát triển hài hòa và bền vững.

Trong tổng thể 10 tiêu chí của Bộ tiêu chí, tiêu chí số 10 về “*Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng*” tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của pháp luật trong xây dựng nông thôn mới. Trong đó, chỉ tiêu 10.1 “*Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” được xác định là chỉ tiêu thành phần quan trọng, thể hiện rõ quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước: xây dựng nông thôn mới không chỉ

là phát triển hạ tầng, nâng cao thu nhập hay cải thiện cảnh quan môi trường, mà còn là xây dựng xã hội nông thôn kỷ cương, dân chủ, công bằng, văn minh, thượng tôn pháp luật. Việc tiếp tục duy trì chỉ tiêu “*Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Có thể khẳng định, việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 cùng với việc tiếp tục xác định “*Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” là một chỉ tiêu quan trọng đã thể hiện rõ định hướng xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, thực chất và bền vững. Qua đó, góp phần xây dựng cộng đồng nông thôn an toàn, văn minh, phát triển toàn diện và thượng tôn pháp luật trong giai đoạn mới. □

Lệ Quỳnh

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH...

► Tiếp theo trang 38

30 - 80 nghìn lượt người tham gia thi/cuộc thi) không chỉ là một hoạt động mang tính phong trào mà còn là giải pháp chiến lược, góp phần đưa pháp luật vào người dân nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả. Đối với Cuộc thi này góp phần đưa các chính sách pháp luật về an sinh xã hội đến gần hơn với người dân, mang nhiều ý nghĩa quan trọng cả về trước mắt và lâu dài, không chỉ giúp nâng cao nhận thức pháp luật, thay đổi hành vi của người dân, Cuộc thi còn góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường sự gắn kết, niềm tin pháp

luật giữa chính quyền với Nhân dân. Vì vậy, trong thời gian đến cần tiếp tục duy trì, đổi mới và nhân rộng mô hình Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật, chú trọng lựa chọn nội dung pháp luật gần gũi, thiết thực với đời thường người dân để đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay và hướng tới mục tiêu người dân tự nghiên cứu, tìm hiểu, học tập pháp luật qua không gian mạng để tự bảo vệ mình và gia đình; đồng thời lan toả khẩu hiệu “Thượng tôn pháp luật”, “Sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật” trên địa bàn toàn tỉnh. □

Kim Hoan



HÀ HUY TẬP

*Người chiến sĩ cộng sản kiên cường,
nhà lãnh đạo cách mạng tài năng*



Đồng chí Hà Huy Tập sinh ngày 24/4/1906 tại làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa (nay là xã Cẩm Hưng, tỉnh Hà Tĩnh) là người con thứ ba trong một gia đình nhà nho yêu nước. Thời niên thiếu, Hà Huy Tập được cha kèm cặp học chữ Hán tại nhà, sau đó đi học và đỗ đầu kỳ thi tốt nghiệp trường tiểu học ở tổng Thổ Ngọa nhưng vì gia cảnh khó khăn nên không được học tiếp. Sau đó, ông vừa làm gia sư vừa theo học, đỗ thủ khoa, được cấp học bổng vào học ở Trường Quốc học Huế (1919 - 1923). Năm 1923, tốt nghiệp trung học hạng ưu. Trong thời gian này, ông đọc rất nhiều sách báo, thấy được nỗi thống khổ của Nhân dân ta dưới xiềng xích của thực dân Pháp và luôn trăn trở phải làm sao để đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi Đông Dương. Do chính quyền thực dân quy kết tội chống Pháp, Hà Huy Tập bị trục xuất khỏi Nha Trang. Năm 1926, Hà Huy Tập về Nghệ An, dạy học tại trường Cao Xuân Dục ở

Vinh; tích cực tham gia các hoạt động của Hội Phục Việt nhằm tuyên truyền tư tưởng chống chuyên chế, chống thực dân Pháp và mở rộng cơ sở hội trong công nhân, thanh niên, học sinh và nông dân. Tháng 3/1927, Hà Huy Tập rời Vinh vào dạy học tại một trường tiểu học tư thục ở Gia Định, sau đó đến Bà Rịa làm công nhân, tổ chức lập một chi bộ, một hội đọc sách báo và mở các lớp học xóa mù chữ cho công nhân. Cuối tháng 12/1928, Hà Huy Tập cùng một số đồng chí được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) bàn việc hợp nhất Tân Việt Cách mạng Đảng với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Tháng 7/1929, đồng chí Hà Huy Tập được nhận vào khóa học dài hạn ba năm tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Liên Xô (tháng 10/1930). Trong thời gian này, ông đã thể hiện quyết tâm rất cao trong học tập, đồng thời tranh thủ đi thực tế tại các nhà máy,

nông trường ở Liên Xô. Năm học cuối, đồng chí đi thực tập nghề nguội tại Nhà máy liên hiệp chế tạo máy cho ngành công nghiệp nặng mang tên “Người chiến sĩ” và đạt tay nghề thợ bậc hai. Thời gian đó ông được tiếp xúc với công nhân đại công nghiệp của Liên Xô dưới chế độ xã hội chủ nghĩa; tích cực tham gia các cuộc họp của tổ chức cơ sở đảng và các buổi sinh hoạt của công đoàn; thường xuyên nói chuyện thời sự chính trị cho công nhân. Ông chú trọng đến việc nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực tế tình hình Đông Dương và phong trào cách mạng Việt Nam; đã viết nhiều tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn cách mạng, nêu rõ quá trình hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương, những thuận lợi và khó khăn trong công tác, giúp cho các Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân quốc tế hiểu rõ hơn về Đông Dương và Đảng Cộng sản Đông Dương; đồng thời, chống lại các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, đem lại niềm tin cho quần chúng nhân dân trong thời kỳ cách mạng Việt Nam gặp muôn vàn khó khăn, thử thách.

Sau cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931), để khôi phục tổ chức của Đảng sau thời kỳ khủng bố trắng của kẻ thù (Pháp), Quốc tế Cộng sản phái đồng chí Hà Huy Tập về nước hoạt động cách mạng qua đường Trung Quốc (1933) và gặp các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Dực để bàn việc thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 3/1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng được thành lập do đồng chí Lê Hồng Phong làm Thư ký, đồng chí Hà Huy Tập là Ủy viên, phụ trách tuyên truyền, cổ động kiêm Tổng Biên tập Tạp chí Bôn-sơ-vích. Trong thời gian đồng chí Lê Hồng Phong cùng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương đến Mátxcơva tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản

(từ ngày 25/7 đến 21/8/1935), đồng chí Hà Huy Tập trở thành người đứng đầu Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, chủ trì chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội lần thứ I của Đảng. Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935, Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương được diễn ra. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị (do đồng chí Hà Huy Tập trình bày) và nhiều văn kiện quan trọng khác của Đảng; bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Thư ký (Tổng Bí thư). Đồng chí Hà Huy Tập được Quốc tế Cộng sản chỉ định là Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Đây là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn, đánh dấu việc Đảng ta đã được khôi phục về tổ chức, các cơ quan lãnh đạo từ Trung ương đến cơ sở được lập lại, Đảng giữ vững và giương cao ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Sau Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong đã cùng với đồng chí Hà Huy Tập triệu tập Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào ngày 26/7/1936 tại Thượng Hải (Trung Quốc) điều chỉnh đường lối chính trị và tổ chức Đảng phù hợp với tình hình mới. Đồng chí Hà Huy Tập được Hội nghị phân công “về nước để tổ chức Ban Trung ương và để khôi phục các liên lạc với các tổ chức của Đảng”. Đến thời điểm này, đồng chí Hà Huy Tập thực hiện trọng trách Tổng Bí thư của Đảng và là **Tổng Bí thư thứ ba của Đảng ta sau đồng chí Trần Phú và đồng chí Lê Hồng Phong**. Ngay sau khi về nước vào đầu tháng 8/1936, đồng chí đã sáng suốt quyết định chuyển trụ sở của Đảng từ nước ngoài về xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Quyết định này có ý nghĩa quan trọng, tạo điều kiện cho việc bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, thống nhất của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, đáp

ứng yêu cầu thực tiễn của phong trào cách mạng. Tại đây, đồng chí liên tục chủ trì ba hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, đưa ra nhiều quyết sách quan trọng, đó là: Hội nghị tháng 3/1937, thống nhất các tổ chức Đảng ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, xác định những chủ trương mới, phát huy những thành quả, khắc phục khuyết điểm, thúc đẩy phong trào đấu tranh phát triển. Hội nghị tháng 9/1937, thông qua một số quyết định quan trọng về việc thành lập Mặt trận nhân dân thống nhất Đông Dương, phát triển cơ sở đảng trong các thành thị và bán công khai... Trong một năm, Đảng ta từ chỗ bị địch khủng bố trắng không còn Ban Trung ương, đã thành lập lại Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Hội nghị tháng 3/1938 đã phân tích thái độ của các đảng phái, các tổ chức chính trị ở Đông Dương, công tác quần chúng, công tác tổ chức và lãnh đạo của Đảng và quyết định thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 3/1938 có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Những quyết sách của Hội nghị được tập thể Ban Thường vụ chuẩn bị kỹ, như một sự tổng kết quá trình hoạt động của Đảng, sự phát triển của phong trào cách mạng, khởi xướng cuộc vận động dân chủ; phân tích sâu sắc, toàn diện những thành tựu và nhược điểm, đề ra nhiệm vụ rất cụ thể về chủ trương, chính sách, tổ chức và biện pháp thực hiện nhằm đưa phong trào tiến lên một bước mới, cao hơn, vững chắc hơn trong cuộc đấu tranh. Tổng Bí thư Hà Huy Tập, với trách nhiệm của mình, đã góp phần quan trọng trong việc chuẩn bị nội dung, dự thảo nghị quyết và ra nghị quyết chính thức của Hội nghị Trung ương.

Ngày 01/5/1938, trên đường đi công tác, đồng chí Hà Huy Tập bị thực dân

Pháp bắt. Sau 10 tháng giam cầm không có chứng cứ về tội lật đổ, địch đã kết án 8 tháng tù và 5 năm biệt xứ, trục xuất về nguyên quán. Tháng 3/1940, đồng chí bị địch bắt lại và giam ở Khám Lớn, Sài Gòn. Ngày 25/3/1941, Tòa án quân sự Sài Gòn kết án tử hình đối với đồng chí Hà Huy Tập. Ngày 28/8/1941, tại Hóc Môn, Gia Định, thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí Hà Huy Tập cùng một số đồng chí lãnh đạo khác của Đảng. Với 35 tuổi đời, 16 năm hoạt động cách mạng, trong đó gần 2 năm ở cương vị là Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã hoàn thành xuất sắc nhiều trọng trách mà Đảng và Nhân dân giao phó trong giai đoạn lịch sử đầy thử thách và nhiều biến động phức tạp. Đồng chí là một tấm gương sáng về phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ cộng sản, hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta.

* Kỷ niệm 120 năm Ngày sinh đồng chí Hà Huy Tập diễn ra vào dịp toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đề ra, biến quyết tâm chính trị thành chương trình hành động cụ thể, thiết thực, hiệu quả ở từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, từng đơn vị. Đây là dịp để chúng ta thành kính và tri ân công lao, đóng góp to lớn của đồng chí Hà Huy Tập đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân; qua đó củng cố và bồi đắp niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.□

Ban Biên tập

(Theo tài liệu của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương)



Đồng chí Trà Thanh Danh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp thăm và làm việc với xã Đăk Pék



Sở Tư pháp thăm và tặng quà cho gia đình chính sách tại xã Đăk Pék



*Đồng chí Lê Chí Phương - Phó Giám đốc Sở Tư pháp -
Trưởng Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ và công chức viên chức nữ Sở Tư pháp*



*Công trình thanh niên Đoàn Sở xây dựng - Chi đoàn Sở Tư pháp -
Công ty TNHH Petrolimex Quảng Ngãi*